

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2023

## THÔNG BÁO

Về việc học phí các bậc đào tạo năm học 2023-2024

### I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Các từ viết tắt dùng trong văn bản này:

Viết tắt	Giải thích
CQ	Chương trình tiêu chuẩn (chương trình đại trà)
CTTA	Chương trình dạy và học bằng tiếng Anh (chương trình chất lượng cao)
CTTT	Chương trình tiên tiến
CTQT	Chương trình chuyển tiếp quốc tế
LKQT	Chương trình liên kết quốc tế
CTNB	Chương trình chuyển tiếp Nhật Bản (chương trình tăng cường tiếng Nhật)
CTHNB	Chương trình định hướng Nhật Bản (chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật)
PFIEV	Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp

Viết tắt	Giải thích
THPT	Trung học phổ thông
NCS	Nghiên cứu sinh
HK	Học kỳ
TC	Tín chỉ
ĐVHT	Đơn vị học trình
GDTC	Giáo dục thể chất
VLVH	Vừa làm vừa học
ĐTTXa	Đào tạo từ xa

### Quy định chung mức thu học phí:

- Từ khóa 2019 bậc đại học, cao học chính quy và từ khóa 2021 bậc đại học VLVH/ĐTTXa, học phí được thu theo trọn gói một HK. Các học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính vào học phí HK 2 ngay trước đó.
- Từ khóa 2020 trở về sau, học phí các học phần GDTC được tính theo đơn giá của Trung tâm Giáo dục Thể chất - ĐHQG-HCM (TTGDTC). Trong trường hợp chưa có đơn giá của TTGDTC, học phí theo bảng Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học, cao học.
- Các lớp mở theo yêu cầu riêng của sinh viên (lớp có sĩ số nhỏ, giờ giấc linh hoạt, lớp trong học kỳ hè...), gọi là lớp (diện) dự thính, học phí được tính theo nguyên tắc bù đắp chi phí nhưng không vượt quá hai lần học phí của khoá tuyển sinh mới nhất.
- Học phí của các sinh viên chuyển khóa học đến khóa sau được tính theo nguyên tắc của khoá sau.
- Học phí của các sinh viên chuyển hình thức đào tạo sang VLVH/ĐTTXa được tính theo nguyên tắc học phí của VLVH/ĐTTXa khoá tuyển sinh mới nhất.
- Học phí của các sinh viên CQ/VLVH/ĐTTXa, học viên cao học CQ, NCS học với các chương trình CTTA/CTTT/CTNB/CTHNB được tính theo các chương trình CTTA/CTTT/CTNB/CTHNB tương ứng.

- Học phí của các sinh viên quá thời gian đào tạo theo kế hoạch được tính theo nguyên tắc bù đắp chi phí.
- Học phí của các lớp mở theo nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp được tính theo chi phí đào tạo đơn vị (unit cost) trong đề án định mức Kinh tế - Kỹ thuật về giá dịch vụ đào tạo của trường đại học Bách Khoa.
- Học phí các học phần kỹ sư tính theo đơn giá học phí kỹ sư.
- Học phí các học phần liên thông Cử nhân - Thạc sĩ, các học phần bậc Thạc sĩ, Cao học tính theo tín chỉ với đơn giá tín chỉ bậc cao học của khoá tuyển sinh mới nhất.
- Việc thanh toán học phí thực hiện thông qua cổng thanh toán BKPay của Trường.
- Đối với cách thu học phí trọn gói theo học kỳ:
  - Số tín chỉ định mức để tính học phí trọn gói cho một học kỳ:

- Số tín chỉ định mức để tính học phí trọn gói cho một học kỳ:

Đại học CQ	Đại học VLVH, ĐTTXa	Cao học CTTA từ khóa 2020 về trước	Cao học CTTA từ khóa 2021	Cao học từ khóa 2020 về trước	Cao học từ khóa 2021
17	14	16	15	12	15

- Tín chỉ đăng ký vượt định mức được tính theo đơn giá tín chỉ.

*Riêng sinh viên đại học CQ, do có một số chương trình đào tạo ngành có thiết kế trong HK 1 là 18 TC và tổng năm học không quá 34 TC, nên khi sinh viên đăng ký 18 TC (không bao gồm lớp dự thính) ở HK 1, trường sẽ tính 17 TC trong định mức và 01 TC vượt định mức. Trong HK 2 cùng năm học, nếu tổng số TC sinh viên đăng ký (không bao gồm lớp dự thính) trong năm học không quá 34, trường sẽ hoàn trả 01 TC vượt định mức đã tạm thu ở HK 1 cho sinh viên bằng cách trừ vào học phí của HK 2.*

- Mức giảm học phí cho sinh viên, học viên cao học đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức theo bảng sau:

Mức giảm	Số TC đăng ký / HK		
	Đại học	Cao học từ khóa 2020 về trước	Cao học từ khóa 2021
25%	<=12	7 - 9	9 - 12
50%		4 - 6	5 - 8
75%		0 - 3	0 - 4

*Ghi chú: đối với Cao học CTTA khóa 2020 trở về trước theo quy định tại mục II.1*

- Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học, cao học:

STT	Tên học phần	Số TC/ ĐVHT	Số TC/ ĐVHT tính học phí	Đơn giá/Ghi chú
<b>Các học phần đặc thù của bậc cao học</b>				
<i>Ghi chú: đối với Cao học CTTA, theo quy định tại mục II</i>				
1.	Đề cương luận văn thạc sĩ	0	1	
2.	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lại luận văn	0	4	
<b>Các học phần đặc thù của bậc đại học</b>				

3.	Đề cương luận văn	0	2	
4.	GDTC Học phần 1 và Học phần 2	0	* Đơn giá : 525.000 đ/học phần  + Các khoá tính học phí trọn gói theo HK, học phí trong các HK chính đã bao gồm học phí các học phần GDTC học lần đầu.  * Đơn giá các lớp dự thính: 785.000 đ/học phần.	
<b>Các học phần đặc thù của chương trình PFIEV (Từ Khoá 2018 trở về trước)</b>				
5.	Học phần tiếng Pháp 6, 7, 8	0	3	
6.	Các học phần có mã học phần CQ: Tính ĐVHT bằng số TC của học phần CQ, đơn giá học phí theo đơn giá CQ.			
7.	Thực tập tốt nghiệp	0	4	
8.	Luận văn tốt nghiệp	10 / 20	15	
<b>Các học phần đặc thù của CTTA, CTTT, CTQT, LKQT, CTNB, CTHNB</b>				
9.	Kỹ năng mềm	0	5.550.000 VNĐ/ lần học lại	
10.	Kỹ năng xã hội	0	3.700.000 VNĐ/ lần học lại	
11.	Văn hóa Nhật	0	1.690.000 VNĐ/ lần học lại	
12.	Các học phần tiếng Nhật		Học phí các học phần tiếng Nhật kể từ lần học thứ 9 đối với chương trình CTHNB và từ lần học thứ 7 đối với chương trình CTNB được tính theo đơn giá của các chương trình này của khoá tuyển sinh mới nhất.	

## II. SAU ĐẠI HỌC

### 1. Khóa 2018 về trước

- Học phí của học viên cao học:
  - Ngành Quản trị kinh doanh: 800.000 VNĐ/tín chỉ
  - Các ngành còn lại: 930.000 VNĐ/tín chỉ
- Học phí của nghiên cứu sinh
  - Học phí học phần tiến sĩ, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ: 1.400.000 VNĐ/tín chỉ.
  - Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng Luận án tiến sĩ (LATS) các cấp) trong thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với Nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng Thạc sĩ (ThS), 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS): 13.300.000 VNĐ/ HK
  - Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng LATS các cấp) ngoài thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với NCS đã có bằng ThS, 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS): 16.950.000 VNĐ/ HK

### 2. Khóa 2019

- Học phí học kỳ của học viên cao học:

- Ngành Quản trị kinh doanh: 10.620.000 VNĐ/HK
- Các ngành còn lại: 12.780.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

### **3. Khóa 2020**

- Học phí học kỳ của học viên cao học:
  - Ngành Quản trị kinh doanh: 8.850.000 VNĐ/HK
  - Các ngành còn lại: 10.650.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

### **4. Khóa 2021, 2022, 2023**

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 16.500.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.390.000 VNĐ/ TC
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ: 27.500.000 VNĐ/HK.

### **5. Các trường hợp khác**

- Học phí của học viên bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyên đổi: 1.500.000 VNĐ/TC.
- Học phí đổi với các lớp cao học mở tại địa phương, học phí đổi với các lớp có số nhỏ hơn 10, học phí đổi với các lớp mở trong học kỳ hè: 1.500.000 VNĐ/TC.
- Học phí chương trình liên thông Cử nhân - Thạc sĩ: 1.100.000 VNĐ/TC.
- Dự kiến học phí cao học toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2023 - 2024	2024-2025
Khóa 2022	33.000.000	
Khóa 2023	33.000.000	36.000.000

## **III. THẠC SĨ CTTA**

### **1. Khoa 2020 trở về trước**

- Học phí: 40.000.000 VNĐ/HK
  - Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.700.000 VNĐ/TC.
  - Nhà trường xem xét giảm:
    - 20% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 12 TC/HK.
    - 30% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 10 TC/HK.
    - 60% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 6 TC/HK.

- 80% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 3 TC/HK.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.700.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.700.000

## 2. Từ Khoá 2021:

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 40.000.000 VNĐ/HK
  - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.500.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.500.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.500.000

## IV. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

### 1. Chính quy chương trình tiêu chuẩn (gồm cả bằng 2, liên thông cao đẳng - đại học)

Dự kiến học phí toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Khoá 2020	11.700.000			
Khoá 2021	24.000.000	29.000.000		
Khoá 2022	27.500.000	29.000.000	30.000.000	
Khoá 2023	27.500.000	29.000.000	30.000.000	31.500.000

#### a. Từ Khóa 2022: Học phí trọn gói theo học kỳ

- Học phí học kỳ chính: 13.750.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 820.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính theo nguyên tắc bù chi phí được tính như sau:

Số số	Lớp trực tuyến, trực tiếp tại Cơ sở Dĩ An	Lớp trực tiếp tại Cơ sở Lý Thường Kiệt	Các học phần Thí nghiệm, Thực hành, Thực tập xưởng
≥ 20	985.000 VNĐ/TC	1.230.000 VNĐ/TC	985.000 VNĐ/TC
≥ 10	1.230.000 VNĐ/TC	1.475.000 VNĐ/TC	1.230.000 VNĐ/TC
≥ 5	1.475.000 VNĐ/TC	1.630.000 VNĐ/TC	1.475.000 VNĐ/TC
< 5	Không mở lớp		
	Các môn học đồ án, đề cương luận văn, Luận văn tốt nghiệp/Dồ án tốt nghiệp... (hướng dẫn sinh viên tự thực hiện): 985.000 VNĐ/TC		

**b. Khoá 2021:** Học phí trọn gói theo học kỳ

- Học phí học kỳ chính: 12.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 710.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

**c. Khoá 2020 (ngoại trừ Bằng 2):** Học phí trọn gói theo học kỳ

- Học phí học kỳ chính: 5.850.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 350.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

**d. Khoá 2019 (ngoại trừ Bằng 2) (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):**

- Học kỳ 1 năm học 2023-2024: 5.850.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức học kỳ 1/2023-2024: 350.000 VNĐ/TC
- Học kỳ 2 năm học 2023-2024: 13.750.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức học kỳ 2/2023-2024: 820.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

**e. Khoá 2018 về trước (ngoại trừ Bằng 2) (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):**

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính (bao gồm cả các môn thực tập ngoài trường mở trong học kỳ hè): 820.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

**f. Bằng 2, Liên thông Cao đẳng – Đại học Khoá 2020 về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):**

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính (bao gồm cả các môn thực tập ngoài trường mở trong học kỳ hè): 820.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

**g. Chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV)**

- Từ khóa 2019: tính như chính quy chương trình tiêu chuẩn cùng khóa.
- Khoá 2018 (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):
  - Học kỳ 1 năm học 2023-2024: 203.000 VNĐ/ĐVHT.
  - Từ học kỳ 2 năm học 2023-2024: 428.000 VNĐ/ĐVHT.
- Khoá 2017 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):
  - Đơn giá học phí: 428.000 VNĐ/ĐVHT.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoá 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

### **h. Chương trình Kỹ sư**

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính: 820.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính, bao gồm thực tập tổ chức trong hè: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khóa 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

### **2. Chương trình CTTA, CTTT, CTQT, LKQT, CTNB, CTHNB**

- Học phí các lớp Pre: 28.600.000 VNĐ/ học kỳ
- Học phí các lớp chính khóa:

Dự kiến học phí toàn khóa

ĐVT: VNĐ/ năm

Chương trình	Năm học Khóa	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
CTTA/ CTTT/ LKQT/ CTQT	Khóa 2020	60.000.000			
	Khóa 2021	66.000.000	80.000.000		
	Khóa 2022	72.000.000	80.000.000	80.000.000	
	Khóa 2023	72.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
CTNB/ CTHNB	Khóa 2020	50.000.000			
	Khóa 2021	50.000.000	60.000.000		
	Khóa 2022	55.000.000	60.000.000	60.000.000	
	Khóa 2023	55.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000

#### **a. Từ Khóa 2022: Học phí trọn gói theo học kỳ**

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	36.000.000	2.220.000
CTNB/CTHNB	27.500.000	980.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính của Khóa 2022 tại mục f.

#### **b. Khóa 2021: Học phí trọn gói theo học kỳ**

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	33.000.000	2.035.000
CTNB/CTHNB	25.000.000	845.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính của Khóa 2022 tại mục f.

#### **c. Khóa 2020: Học phí trọn gói theo học kỳ**

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	30.000.000	1.850.000
CTNB/CTHNB	25.000.000	845.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính của Khóa 2022 tại mục f.
- d. **Khóa 2019 học đúng lộ trình** (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
- Học kỳ 1 năm học 2023-2024:
  - Học phí trọn gói: 30.000.000 VNĐ/HK.
  - Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.850.000 VNĐ/TC
- Học kỳ 2 năm học 2023-2024:
  - Học phí trọn gói: 36.000.000 VNĐ/ HK
  - Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.220.000 VNĐ/TC
- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính của Khóa 2022 tại mục f.
- e. **Tùy Khóa 2018 trở về trước** (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)
  - Đơn giá học phí: 2.220.000 VNĐ/TC
  - Cách tính các học phần đặc thù:

Nhóm	Số TC	Số TCHP
Các học phần Chính trị; Pháp luật	a	0.2 * a
Nhập môn kỹ thuật (CTTT); Đề cương/ Chuyên đề LVTN	0	2

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính của Khóa 2022 tại mục f.

f. **Đơn giá tín chỉ học dự thính:**

- Chương trình CTTA/CTTT/LKQT/CTQT: 2.665.000 VNĐ/TC.
- Chương trình CTNB/CTHNB: 1.175.000 VNĐ/TC.

g. **Học phí sinh viên nước ngoài tính tương tự như sinh viên Việt Nam.**

## V. VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA

### 1. Dự kiến học phí toàn khoá

- Dự kiến học phí VL VH toàn khoá:

Khoa	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
2019	525.000 VNĐ/TC				
2020	525.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC			
2021	30.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm		
2022	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	37.800.000 VNĐ/Năm	
2023	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	37.800.000 VNĐ/Năm	39.600.000 VNĐ/Năm

- Dự kiến học phí ĐTTXa toàn khoá:

Khoá	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
2019	525.000 VNĐ/TC				
2020	525.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC			
2021	20.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm		
2022	22.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	25.200.000 VNĐ/Năm	
2023	22.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	25.200.000 VNĐ/Năm	26.400.000 VNĐ/Năm

Trong các học kỳ chính:

- Đối với các khoá tính học phí trọn gói, các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức. Các tín chỉ vượt định mức được tính cùng một đơn giá.
- Đối với các khoá tính học phí theo tín chỉ, các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính cùng một đơn giá.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính trong học kỳ hè: theo cách tính học phí các lớp dự thính của Khoa 2022 chính quy chương trình tiêu chuẩn.

## 2. Cụ thể:

### a. VLVH từ Khoa 2022 (tuyển sinh VLVH từ tháng 5/2022):

- Học phí học kỳ chính: 16.500.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.200.000 VNĐ/TC.
  - Các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức.
  - Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính gộp vào học kỳ 2 trước đó.
- Học phí học kỳ dự thính hè: Đơn giá học phí tính theo tín chỉ như sau:

Sĩ số	Lớp trực tuyến, trực tiếp tại Cơ sở Dĩ An	Lớp trực tiếp tại Cơ sở Lý Thường Kiệt	Các học phần Thí nghiệm, Thực hành, Thực tập xưởng
≥ 20	1.200.000 VNĐ/TC	1.230.000 VNĐ/TC	1.200.000 VNĐ/TC
≥ 10	1.230.000 VNĐ/TC	1.475.000 VNĐ/TC	1.230.000 VNĐ/TC
≥ 5	1.475.000 VNĐ/TC	1.630.000 VNĐ/TC	1.475.000 VNĐ/TC
< 5		Không mở lớp	
		Các môn học đồ án, đề cương luận văn, Luận văn tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp... (hướng dẫn sinh viên tự thực hiện): 1.200.000 VNĐ/TC	

### b. VLVH từ Khoa 2021 (tuyển sinh VLVH từ tháng 5/2021):

- Học phí học kỳ chính: 15.000.000 VNĐ/HK.

- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 900.000 VNĐ/TC
  - o Các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức.
  - o Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính gộp vào học kỳ 2 trước đó.
- Học phí học kỳ dự thính hè: theo cách tính học phí các lớp dự thính của VL VH khóa 2022.

**c. *ĐTTXa từ khóa 2022 (Tuyển sinh ĐTTXa từ tháng 05/2022)***

- Học phí học kỳ: 11.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 805.000 VNĐ/TC.
- Các học phần học tập trung: tính theo nguyên tắc của VL VH cùng khóa.

**d. *ĐTTXa từ khóa 2021 (Tuyển sinh ĐTTXa từ tháng 5/2021)***

- Học phí học kỳ: 10.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 700.000 VNĐ/TC.
- Các học phần học tập trung: tính theo nguyên tắc của VL VH cùng khóa.

**e. *Các khoá còn trong thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn), (Các khóa 2019,2020 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT).***

Tính cho tất cả các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên.

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính (bao gồm học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong hè): 525.000 VNĐ/TC.
- Học phí học kỳ dự thính: theo cách tính học phí các lớp dự thính của VL VH khóa 2022.

**f. *Các khoá vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn), (Khóa 2020 tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học, Khóa 2018 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT).***

Tính cho tất cả các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên

- Học kỳ 1 năm học 2023-2024: 525.000 VNĐ/TC.
- Từ học kỳ 2 năm học 2023 - 2024: 1.200.000 VNĐ/TC.
- Học phí học kỳ dự thính hè: theo cách tính học phí các lớp dự thính của VL VH khóa 2022

**g. *Các khoá đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn), (Khoá 2019 về trước tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học; Các Khoá 2017 về trước tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT).***

Tính cho tất cả các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính: 1.200.000 VNĐ/TC

- Học phí học kỳ dự thính hè; theo cách tính học phí các lớp dự thính của VLVH khóa 2022.

## VỊ. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Thông báo học phí này thay thế cho thông báo số 362/ĐHBK-KHTC ngày 25/9/2023 và được áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2023-2024.

*Nơi nhận:*

1. Như trên;
2. Lưu: VT (P.KHTC) *Mai*



**HỘI TRƯỞNG**

**PGS.TS. Mai Thanh Phong**

